

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04-5-2022

V/v: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồng Thái.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đỗ Thị Hiên; bà Bùi Thị Ngoan

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Khánh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Thu Hường - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2022/TLST-HNGĐ ngày 01/3/2022 về “Ly hôn; nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Chị Lê Thị B, sinh năm 1979

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

***2. Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975

Đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn T, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\*) Tại đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì nguyên đơn là chị Lê Thị B trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 24/02/2015 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống cùng gia đình anh T và sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau, chị bị anh T đánh. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T không chịu lao động, sinh hoạt hằng ngày đều do chị gánh vác. Do mâu thuẫn trầm trọng nên cuối năm 2016 chị về nhà bố mẹ đẻ tại thôn L, xã T, huyện H sinh sống đến nay, vợ chồng cũng ly thân từ đó, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Thị Z, sinh ngày 14/11/2015, hiện con đang ở cùng anh T. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con vì con còn nhỏ và là con gái nên rất cần sự chăm sóc và nuôi dưỡng của chị, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị là công nhân tại Công ty Giày da P, thu nhập khoảng 7.500.000đ/tháng, chị có chỗ ở, bố mẹ chị sẽ hỗ trợ chị trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con, chị có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con. Còn anh T không có việc làm, không có thu nhập, cuộc sống không ổn định nên ảnh hưởng rất nhiều đến sự phát triển của con.

Chị và anh T tự phân chia tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\*) Bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh và chị Lê Thị B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 24/02/2015 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị B đã về quê ở huyện H sinh sống, anh và chị B đã ly thân. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ nên chị B xin ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Anh và chị B có 01 con chung là Nguyễn Thị Z, sinh ngày 14/11/2015, con đang ở cùng anh. Ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay anh làm nông nghiệp, thu nhập hằng tháng khoảng 1.500.000 đồng. Trong thời gian con ở với anh thì anh và mẹ anh lo tiền ăn uống và sinh hoạt hằng ngày, còn chị B lo tiền học cho con. Mẹ anh làm công việc giúp việc gia đình ở tỉnh ngoài, khoảng 01 tháng về nhà một lần để thăm con cháu.

Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, vợ chồng không nợ tổ chức, đoàn thể nào tại địa phương, không nợ cá nhân nào.

Anh xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xin vắng mặt tại phiên tòa.

\*) Ông Lê Văn H (bố đẻ chị Lê Thị B) trình bày:

Chị Lê Thị B và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, chị B bị anh T đánh. Nguyên nhân là do hai người bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T không tu chí làm ăn, hay ruồng rượ. Đến cuối năm 2016 do mâu thuẫn trầm trọng nên chị B đã về nhà ông sinh sống, anh T không quan tâm, hỏi han gì. Ông thấy chị B và anh T khó có khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Chị B và anh T có 01 con chung như chị B đã trình bày, đề nghị Tòa án giao con cho B trực tiếp nuôi dưỡng vì cháu là con gái nên cần sự nuôi dưỡng và chăm sóc của chị Bình, ông và gia đình sẽ hỗ trợ chị Bình trong việc nuôi dưỡng và chăm sóc con.

Tài sản chung của chị B và anh T như thế nào thì ông không rõ, vợ chồng không có nợ cá nhân, tổ chức, đoàn thể nào.

\*) Đại diện chính quyền địa phương nơi anh T cư trú cung cấp nội dung như sau:

Chị Lê Thị B và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K theo quy định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại thôn T, xã V, quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do đâu thì địa phương không rõ vì không ai có đơn yêu cầu địa phương hòa giải. Việc chị B xin ly hôn anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị B và anh T có 01 con chung như chị B đã trình bày là đúng, hiện nay cháu đang ở cùng anh T. Việc nuôi con chung đề nghị Tòa án căn cứ vào điều kiện, hoàn cảnh của từng người, nguyện vọng của cháu và phù hợp quy định của pháp luật để giao cho người đó, đảm bảo quyền lợi cho cháu.

Về tài sản chung của chị B và anh T địa phương không nắm được, vợ chồng không nợ gì đối với các tổ chức, đoàn thể tại địa phương.

\*) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

+ Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị B được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

+ Về nuôi con chung: Giao cho chị Lê Thị B trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thị Z, sinh ngày 14/11/2015. Không đặt ra giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

+ Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

+ Chị B phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

+ Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự để trình bày lời khai, tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn là anh Nguyễn Văn T xin vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xin vắng mặt tại phiên tòa. Nguyên đơn là chị Lê Thị B có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ vào Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự: Tòa án xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị Lê Thị B và anh Nguyễn Văn T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã và xô xát, chị B và anh T đã ly thân từ cuối năm 2016 đến nay, mỗi người sống một nơi không quan tâm đến nhau. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị B và anh T là có thật và ngày càng căng thẳng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng,

đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Bình xin ly hôn, anh Trường đồng ý ly hôn nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị B và anh Nguyễn Văn T là phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: Chị B và anh T có 01 con chung là Nguyễn Thị Z, sinh ngày 14/11/2015; hiện con đang ở cùng anh T. Ly hôn, cả chị B và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Hội đồng xét xử thấy: Chị B có việc làm và thu nhập ổn định hơn anh T, chị B có chỗ ở, có sự hỗ trợ của gia đình trong việc nuôi dưỡng và chăm sóc con. Mặt khác, con là con gái nên rất cần sự nuôi dưỡng, chăm sóc của chị B để con phát triển bình thường về tâm sinh lý. Do đó, áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình xử giao cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Nguyễn Thị Z phù hợp quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con. Do các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị B và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị B phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Căn cứ nhận xét trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 147, 203, 235, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị B và anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Lê Thị B trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Nguyễn Thị Z, sinh ngày 14/11/2015. Không đặt ra giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Chị B và anh T có quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Chị Lê Thị B phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị B đã nộp tạm ứng lệ phí, án phí tại biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0001563 ngày 01/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Thái Bình thành án phí.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Đương sự;
- UBND xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình (Nơi ĐKKH);
- UBND xã L, huyện H, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Hồng Thái**